

## Dự toán chi ngân sách huyện, xã năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023			So sánh dự toán 2023 với dự toán 2022(%)
	Tổng số	Trong đó		
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
<b>Tổng chi ngân sách huyện, xã (A + B)</b>	<b>723,373</b>	<b>555,662</b>	<b>167,711</b>	<b>113%</b>
<b>Chi qua cân đối ngân sách huyện xã (I+II)</b>	<b>723,373</b>	<b>555,662</b>	<b>167,711</b>	<b>113%</b>
<b>I.Chi đầu tư phát triển</b>	<b>309,089</b>	<b>196,484</b>	<b>112,605</b>	<b>152%</b>
1.Sự nghiệp kinh tế mang tính chất đầu tư phát triển	4,600	4,600		
2.Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội	14,000	14,000		
3.Sự nghiệp Môi trường và thực hiện đề án xử lý rác thải, thoát nước mang tính chất đầu tư phát triển	2,285	2,285		
4.Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh cảnh quan	5,500	5,500		
5.Sửa chữa trụ sở cơ quan, đơn vị trên địa bàn	7,000	7,000		Sau khi phân bổ, có vốn sự nghiệp sẽ trừ tiết kiệm để CCTL theo quy định
6.Tiền SDD và vốn XDCB (Tiền đất năm 2023 và Vốn XDCB tập trung tinh bổ sung có mục tiêu theo tiêu chí tại Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh)	248,104	135,499	112,605	
7.Kiến thị chính có mục tiêu của tỉnh	7,100	7,100		
8.Nâng cao năng lực giao thông và duy tu sửa chữa hệ thống giao thông	15,000	15,000		
9.Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa nước (Hỗ trợ nâng cấp,sửa chữa kịp thời các công trình thủy lợi thiết yếu do huyện quản lý)	4,800	4,800		
10.Khu lưu niệm Đại tướng Nguyễn Chí Thanh	700	700		
<b>II.Chi thường xuyên</b>	<b>414,284</b>	<b>359,178</b>	<b>55,106</b>	<b>104%</b>
<b>1.Chi SN kinh tế</b>	<b>33,108</b>	<b>32,338</b>	<b>770</b>	<b>106%</b>
1.1/Tiền sử dụng đất mang tính sự nghiệp		10,030		
1.2/Sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT		2,824		
1.3/Sự nghiệp Giao thông		200		
1.4/Sự nghiệp Kiến thiết thị chính huyện		3,306		
1.5/Sự nghiệp Ứng dụng, chuyển giao KHCN		250		
1.6/Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa nước		3,000		
1.7/Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí		9,428		
1.8/Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng		700		
1.9/Hỗ trợ phát triển du kinh tế tập thể, HTX		600		
1.10/Hỗ trợ chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp		2,000		
<b>2.Sự nghiệp Môi trường và thực hiện đề án xử lý rác thải, thoát nước</b>	<b>6,115</b>	<b>6,115</b>		<b>105%</b>
<b>3.Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng</b>	<b>1,020</b>	<b>1,020</b>		
<b>4.Chi sự nghiệp văn xã</b>	<b>266,639</b>	<b>263,893</b>	<b>2,746</b>	<b>104%</b>
4.1/Sự nghiệp giáo dục	215,119	215,119	0	
4.2/Sự nghiệp đào tạo	1,475	1,030	445	
4.3/Sự nghiệp y tế	630	300	330	
4.4/Sự nghiệp Văn hóa - TDTT - Truyền thanh (Bao gồm Đại hội TDTT)	4,555	3,024	1,531	
4.5/Đảm bảo xã hội (Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách)	44,560	44,120	440	
4.6/Tổ chức các ngày lễ trong năm	300	300		
<b>5/Sự nghiệp khác</b>	<b>2,046</b>	<b>2,046</b>		

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023			So sánh dự toán 2023 với dự toán 2022(%)
	Tổng số	Trong đó		
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
<b>6. Chi quản lý hành chính</b>	<b>86,370</b>	<b>42,297</b>	<b>44,073</b>	<b>109%</b>
6.1/Khối Đảng		8,262		
6.2/Khối Đoàn thể - MT		4,442		
6.3/Hoạt động HĐND		1,231		
6.4/Hoạt động UBND huyện		1,000		
6.5/Khối quản lý nhà nước		18,713		
6.6/Kinh phí thi đua khen thưởng		500		
6.8/Hỗ trợ các tổ chức XH, XH nghề nghiệp		727		
6.9/Hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở cấp huyện		52		
6.10/Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác và cải cách hành chính của cơ quan đơn vị cấp huyện, xã và nhà văn hóa xã, mua sắm các phần mềm quản lý nhà nước, giáo dục và dịch vụ tài chính công đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, nâng cấp, sửa chữa đài truyền thanh huyện, xã		5,000		
6.11/Kinh phí Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia theo Chỉ thị 01 của TTCP		30		
6.12/Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông		2,340		
<b>7. Chi An ninh Quốc phòng</b>	<b>8,600</b>	<b>2,950</b>	<b>5,650</b>	<b>104%</b>
7.1/Quốc phòng		1,345		
7.2/An ninh		890		
7.3/Trang bị phương tiện PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn 2021-2023 (theo NQ số 26/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của HĐND tỉnh)		715		
<b>8. Chi khác</b>	<b>912</b>	<b>650</b>	<b>262</b>	<b>100%</b>
8.1/Đổi hàng hóa cứu trợ lũ lụt, vận chuyển và các công tác khác liên quan đến cứu trợ lũ lụt		100		
8.3/Hỗ trợ Liên đoàn Lao động huyện (Đại hội Công đoàn huyện lần thứ VII, nhiệm kỳ 2023-2028)		30		
8.4/Chi khác		500		
8.5/Hỗ trợ Chi cục Thống kê (bao gồm Niên giám hàng năm)		20		
<b>9. Chi hỗ trợ nguồn tín dụng cho Ngân hàng chính sách xã</b>	<b>500</b>	<b>500</b>		
<b>10. Dự phòng ngân sách</b>	<b>8,974</b>	<b>7,369</b>	<b>1,605</b>	<b>128%</b>
<i>Riêng, Hỗ trợ nguồn vốn tín dụng cho Ngân hàng CSXH (còn thiếu); Quỹ hỗ trợ nông dân; Giao ban HĐND tỉnh, huyện; Hoạt động Trường khối thi đua cấp huyện, công tác chuẩn bị 100 ngày sinh Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, tăng cường pháp chế trên địa bàn và các nhiệm vụ phát sinh đột xuất của huyện chưa có trong dự toán và chưa có nguồn được phân bổ từ nguồn dự phòng của các năm và tăng thu tiết kiệm chi năm 2022</i>				

Ghi chú:

1. Định mức chi thường xuyên năm 2022 đối với lĩnh vực QLNN, Đảng, MT-Đoàn thể 29 triệu đồng/biên chế/năm; sự nghiệp công lập 90% định mức lĩnh vực chi QLNN, Đảng, MT-Đoàn thể. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên bao gồm: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan. Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm như: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi xây dựng, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát. Kinh phí bảo trì trụ sở, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm có giá trị nhỏ

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023		So sánh dự toán 2023 với dự toán 2022(%)
	Tổng số	Trong đó	
		Ngân sách huyện	

2. Tiền lương, SHP HDND tính theo Nghị định 38/NĐ-CP của Chính phủ, mức tối thiểu là 1.490.000 đồng (chưa tính nguồn 10% tiết kiệm chi thường xuyên, 40% thu sự nghiệp giáo dục), đã bao gồm các khoản theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn và các khoản phụ cấp liên quan theo chế độ mới như PC cấp ủy, PC công vụ theo ND34, PC CBCC cơ quan Đảng, Đoàn thể theo Thông báo số 13/TB-TW, PC phục vụ của cán bộ cơ quan Đảng; PC trách nhiệm báo cáo viên, kinh phí hoạt động theo Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 31/3/2017 của HDND tỉnh, PC Tổ Đại biểu HDND, PC ưu đãi cán bộ; chi trả học bổng, hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng cho người khuyết tật theo TTLT42; hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi; hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81,... và các định mức khác theo quy định của tỉnh. Tiền lương của CB hợp đồng đã giao trong dự toán năm 2022.

**Dự toán chi ngân sách huyện, xã năm 2023**

Đơn vị

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023		
	Tổng số	Trong đó	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã
<b>Tổng chi ngân sách huyện, xã (A + B)</b>	<b>723,373</b>	<b>555,662</b>	<b>167,711</b>
<b>Chi qua cân đối ngân sách huyện xã (I+II)</b>	<b>723,373</b>	<b>555,662</b>	<b>167,711</b>
<b>I.Chi đầu tư phát triển</b>	<b>309,089</b>	<b>196,484</b>	<b>112,605</b>
1.Sự nghiệp kinh tế mang tính chất đầu tư phát triển	4,600	4,600	
2.Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội	14,000	14,000	
3.Sự nghiệp Môi trường và thực hiện đề án xử lý rác thải, thoát nước mang tính chất đầu tư phát triển	2,285	2,285	
4.Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh cảnh quan	5,500	5,500	
5.Sửa chữa trụ sở cơ quan, đơn vị trên địa bàn	7,000	7,000	
6.Tiền SDD và vốn XDCB (Tiền đất năm 2023 và Vốn XDCB tập trung tinh bổ sung có mục tiêu theo tiêu chí tại Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh)	248,104	135,499	112,605
7.Kiến thị chính có mục tiêu của tỉnh	7,100	7,100	
8.Nhà ở xã hội và nâng cao tầng giao thông và duy tu sửa chữa hệ thống giao thông	15,000	15,000	
9.Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa nước (Hỗ trợ nâng cấp,sửa chữa kịp thời các công trình thủy lợi thiết yếu do huyện quản lý)	4,800	4,800	
10.Khu lưu niệm Đại tướng Nguyễn Chí Thanh	700	700	
<b>II.Chi thường xuyên</b>	<b>414,284</b>	<b>359,178</b>	<b>55,106</b>
<b>1.Chi SN kinh tế</b>	<b>33,108</b>	<b>32,338</b>	<b>770</b>
1.1/Tiền sử dụng đất mang tính sự nghiệp		10,030	
1.2/Sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT		2,824	
1.3/Sự nghiệp Giao thông		200	
1.4/Sự nghiệp Kiến thiết thị chính huyện		3,306	
1.5/Sự nghiệp Ứng dụng, chuyển giao KHCN		250	
1.6/Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa nước		3,000	
1.7/Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí		9,428	
1.8/Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng		700	
1.9/Hỗ trợ phát triển du kinh tế tập thể, HTX		600	
1.10/Hỗ trợ chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp		2,000	
<b>2.Sự nghiệp Môi trường và thực hiện đề án xử lý rác thải, thoát nước</b>	<b>6,115</b>	<b>6,115</b>	
<b>3.Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng</b>	<b>1,020</b>	<b>1,020</b>	
<b>4.Chi sự nghiệp văn xã</b>	<b>266,639</b>	<b>263,893</b>	<b>2,746</b>
4.1/Sự nghiệp giáo dục	215,119	215,119	0
4.2/Sự nghiệp đào tạo	1,475	1,030	445
4.3/Sự nghiệp y tế	630	300	330
4.4/Sự nghiệp Văn hóa - TDTT - Truyền thanh (Bao gồm Đại hội TDTT)	4,555	3,024	1,531
4.5/Đảm bảo xã hội (Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách)	44,560	44,120	440
4.6/Tổ chức các ngày lễ trong năm	300	300	
<b>5/Sự nghiệp khác</b>	<b>2,046</b>	<b>2,046</b>	

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023		
	Tổng số	Trong đó	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã
<b>6. Chi quản lý hành chính</b>	<b>86,370</b>	<b>42,297</b>	<b>44,073</b>
6.1/Khỏi Đảng		8,262	
6.2/Khỏi Đoàn thể - MT		4,442	
6.3/Hoạt động HĐND		1,231	
6.4/Hoạt động UBND huyện		1,000	
6.5/Khỏi quản lý nhà nước		18,713	
6.6/Kinh phí thi đua khen thưởng		500	
6.8/Hỗ trợ các tổ chức XH, XH nghề nghiệp		727	
6.9/Hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở cấp huyện		52	
6.10/Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác và cải cách hành chính của cơ quan đơn vị cấp huyện, xã và nhà văn hóa xã, mua sắm các phần mềm quản lý nhà nước, giáo dục và dịch vụ tài chính công đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, nâng cấp, sửa chữa đài truyền thanh huyện, xã		5,000	
6.11/Kinh phí Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia theo Chỉ thị 01 của TTCP		30	
6.12/Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông		2,340	
<b>7. Chi An ninh Quốc phòng</b>	<b>8,600</b>	<b>2,950</b>	<b>5,650</b>
7.1/Quốc phòng		1,345	
7.2/An ninh		890	
7.3/Trang bị phương tiện PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn 2021-2023 (theo NQ số 26/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của HĐND tỉnh)		715	
<b>8. Chi khác</b>	<b>912</b>	<b>650</b>	<b>262</b>
8.1/Đổi hàng hóa cứu trợ lũ lụt, vận chuyển và các công tác khác liên quan đến cứu trợ lũ lụt		100	
8.3/Hỗ trợ Liên đoàn Lao động huyện (Đại hội Công đoàn huyện lần thứ VII, nhiệm kỳ 2023-2028)		30	
8.4/Chi khác		500	
8.5/Hỗ trợ Chi cục Thống kê (bao gồm Niên giám hàng năm)		20	
<b>9. Chi hỗ trợ nguồn tín dụng cho Ngân hàng chính sách xã</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	
<b>10. Dự phòng ngân sách</b>	<b>8,974</b>	<b>7,369</b>	<b>1,605</b>
<i>Riêng, Hỗ trợ nguồn vốn tín dụng cho Ngân hàng CSXH (còn thiếu); Quỹ hỗ trợ nông dân; Giao ban HĐND tỉnh, huyện; Hoạt động Trường khối thi đua cấp huyện, công tác chuẩn bị 100 ngày sinh Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, tăng cường pháp chế trên địa bàn và các nhiệm vụ phát sinh đột xuất của huyện chưa có trong dự toán và chưa có nguồn được phân bổ từ nguồn dự phòng của các năm và tăng thu tiết kiệm chi năm 2022</i>			

Ghi chú:

1. Định mức chi thường xuyên năm 2022 đối với lĩnh vực QLNN, Đảng, MT-Đoàn thể 29 triệu đồng/biên chế/năm; sự nghiệp công lập 90% định chi QLNN, Đảng, MT-Đoàn thể. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên bao gồm: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan. Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm như: Chi nghiệp vụ chuyên môn lĩnh vực; chi xây dựng, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật kiểm tra, giám sát. Kinh phí bảo trì trụ sở, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm có giá trị nhỏ

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023	
	Tổng số	Trong đó
		Ngân sách huyện

2. Tiền lương, SHP HDND tính theo Nghị định 38/NĐ-CP của Chính phủ, mức tối thiểu là 1.490.000 đồng (chưa tính nguồn 10% tiết kiệm chi 40% thu sự nghiệp giáo dục), đã bao gồm các khoản theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn và các khoản phụ cấp liên quan th PC cấp ủy, PC công vụ theo ND34, PC CBCC cơ quan Đảng, Đoàn thể theo Thông báo số 13/TB-TW, PC phục vụ của cán bộ cơ quan Đảng; báo cáo viên, kinh phí hoạt động theo Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 31/3/2017 của HDND tỉnh, PC Tổ Đại biểu HDND, PC ưu đãi học bổng, hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng cho người khuyết tật theo TTLT42; hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi; hỗ trợ chi phí học tập theo định mức khác theo quy định của tỉnh. Tiền lương của CB hợp đồng đã giao trong dự toán năm 2022.

**Dự toán chi ngân sách huyện, xã năm 2023**

Đơn vị

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023		
	Tổng số	Trong đó	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã
<b>Tổng chi ngân sách huyện, xã (A + B)</b>	<b>723,373</b>	<b>555,662</b>	<b>167,711</b>
<b>Chi qua cân đối ngân sách huyện xã (I+II)</b>	<b>723,373</b>	<b>555,662</b>	<b>167,711</b>
<b>I.Chi đầu tư phát triển</b>	<b>309,089</b>	<b>196,484</b>	<b>112,605</b>
1.Sự nghiệp kinh tế mang tính chất đầu tư phát triển	4,600	4,600	
2.Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội	14,000	14,000	
3.Sự nghiệp Môi trường và thực hiện đề án xử lý rác thải, thoát nước mang tính chất đầu tư phát triển	2,285	2,285	
4.Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh cảnh quan	5,500	5,500	
5.Sửa chữa trụ sở cơ quan, đơn vị trên địa bàn	7,000	7,000	
6.Tiền SDD và vốn XDCB (Tiền đất năm 2023 và Vốn XDCB tập trung tinh bổ sung có mục tiêu theo tiêu chí tại Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh)	248,104	135,499	112,605
7.Kiến thị chính có mục tiêu của tỉnh	7,100	7,100	
8.Nhà ở xã hội và nâng cao tầng giao thông và duy tu sửa chữa hệ thống giao thông	15,000	15,000	
9.Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa nước (Hỗ trợ nâng cấp,sửa chữa kịp thời các công trình thủy lợi thiết yếu do huyện quản lý)	4,800	4,800	
10.Khu lưu niệm Đại tướng Nguyễn Chí Thanh	700	700	
<b>II.Chi thường xuyên</b>	<b>414,284</b>	<b>359,178</b>	<b>55,106</b>
<b>1.Chi SN kinh tế</b>	<b>33,108</b>	<b>32,338</b>	<b>770</b>
1.1/Tiền sử dụng đất mang tính sự nghiệp		10,030	
1.2/Sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT		2,824	
1.3/Sự nghiệp Giao thông		200	
1.4/Sự nghiệp Kiến thiết thị chính huyện		3,306	
1.5/Sự nghiệp Ứng dụng, chuyển giao KHCN		250	
1.6/Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa nước		3,000	
1.7/Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí		9,428	
1.8/Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng		700	
1.9/Hỗ trợ phát triển du kinh tế tập thể, HTX		600	
1.10/Hỗ trợ chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp		2,000	
<b>2.Sự nghiệp Môi trường và thực hiện đề án xử lý rác thải, thoát nước</b>	<b>6,115</b>	<b>6,115</b>	
<b>3.Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng</b>	<b>1,020</b>	<b>1,020</b>	
<b>4.Chi sự nghiệp văn xã</b>	<b>266,639</b>	<b>263,893</b>	<b>2,746</b>
4.1/Sự nghiệp giáo dục	215,119	215,119	0
4.2/Sự nghiệp đào tạo	1,475	1,030	445
4.3/Sự nghiệp y tế	630	300	330
4.4/Sự nghiệp Văn hóa - TDTT - Truyền thanh (Bao gồm Đại hội TDTT)	4,555	3,024	1,531
4.5/Đảm bảo xã hội (Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách)	44,560	44,120	440
4.6/Tổ chức các ngày lễ trong năm	300	300	
<b>5/Sự nghiệp khác</b>	<b>2,046</b>	<b>2,046</b>	

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023		
	Tổng số	Trong đó	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã
<b>6. Chi quản lý hành chính</b>	<b>86,370</b>	<b>42,297</b>	<b>44,073</b>
6.1/Khỏi Đảng		8,262	
6.2/Khỏi Đoàn thể - MT		4,442	
6.3/Hoạt động HĐND		1,231	
6.4/Hoạt động UBND huyện		1,000	
6.5/Khỏi quản lý nhà nước		18,713	
6.6/Kinh phí thi đua khen thưởng		500	
6.8/Hỗ trợ các tổ chức XH, XH nghề nghiệp		727	
6.9/Hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở cấp huyện		52	
6.10/Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác và cải cách hành chính của cơ quan đơn vị cấp huyện, xã và nhà văn hóa xã, mua sắm các phần mềm quản lý nhà nước, giáo dục và dịch vụ tài chính công đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, nâng cấp, sửa chữa đài truyền thanh huyện, xã		5,000	
6.11/Kinh phí Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia theo Chỉ thị 01 của TTCP		30	
6.12/Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông		2,340	
<b>7. Chi An ninh Quốc phòng</b>	<b>8,600</b>	<b>2,950</b>	<b>5,650</b>
7.1/Quốc phòng		1,345	
7.2/An ninh		890	
7.3/Trang bị phương tiện PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn 2021-2023 (theo NQ số 26/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của HĐND tỉnh)		715	
<b>8. Chi khác</b>	<b>912</b>	<b>650</b>	<b>262</b>
8.1/Đổi hàng hóa cứu trợ lũ lụt, vận chuyển và các công tác khác liên quan đến cứu trợ lũ lụt		100	
8.3/Hỗ trợ Liên đoàn Lao động huyện (Đại hội Công đoàn huyện lần thứ VII, nhiệm kỳ 2023-2028)		30	
8.4/Chi khác		500	
8.5/Hỗ trợ Chi cục Thống kê (bao gồm Niên giám hàng năm)		20	
<b>9. Chi hỗ trợ nguồn tín dụng cho Ngân hàng chính sách xã</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	
<b>10. Dự phòng ngân sách</b>	<b>8,974</b>	<b>7,369</b>	<b>1,605</b>
<i>Riêng, Hỗ trợ nguồn vốn tín dụng cho Ngân hàng CSXH (còn thiếu); Quỹ hỗ trợ nông dân; Giao ban HĐND tỉnh, huyện; Hoạt động Trường khối thi đua cấp huyện, công tác chuẩn bị 100 ngày sinh Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, tăng cường pháp chế trên địa bàn và các nhiệm vụ phát sinh đột xuất của huyện chưa có trong dự toán và chưa có nguồn được phân bổ từ nguồn dự phòng của các năm và tăng thu tiết kiệm chi năm 2022</i>			

Ghi chú:

1. Định mức chi thường xuyên năm 2022 đối với lĩnh vực QLNN, Đảng, MT-Đoàn thể 29 triệu đồng/biên chế/năm; sự nghiệp công lập 90% định chi QLNN, Đảng, MT-Đoàn thể. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên bao gồm: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan. Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm như: Chi nghiệp vụ chuyên môn lĩnh vực; chi xây dựng, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật kiểm tra, giám sát. Kinh phí bảo trì trụ sở, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm có giá trị nhỏ

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023	
	Tổng số	Trong đó
		Ngân sách huyện

2. Tiền lương, SHP HDND tính theo Nghị định 38/NĐ-CP của Chính phủ, mức tối thiểu là 1.490.000 đồng (chưa tính nguồn 10% tiết kiệm chi 40% thu sự nghiệp giáo dục), đã bao gồm các khoản theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn và các khoản phụ cấp liên quan th PC cấp ủy, PC công vụ theo ND34, PC CBCC cơ quan Đảng, Đoàn thể theo Thông báo số 13/TB-TW, PC phục vụ của cán bộ cơ quan Đảng; báo cáo viên, kinh phí hoạt động theo Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 31/3/2017 của HDND tỉnh, PC Tổ Đại biểu HDND, PC ưu đãi học bổng, hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng cho người khuyết tật theo TTLT42; hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi; hỗ trợ chi phí học tập theo định mức khác theo quy định của tỉnh. Tiền lương của CB hợp đồng đã giao trong dự toán năm 2022.

**Dự toán chi ngân sách huyện, xã năm 2023**

Đơn vị

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023		
	Tổng số	Trong đó	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã
<b>Tổng chi ngân sách huyện, xã (A + B)</b>	<b>723,373</b>	<b>555,662</b>	<b>167,711</b>
<b>Chi qua cân đối ngân sách huyện xã (I+II)</b>	<b>723,373</b>	<b>555,662</b>	<b>167,711</b>
<b>I.Chi đầu tư phát triển</b>	<b>309,089</b>	<b>196,484</b>	<b>112,605</b>
1.Sự nghiệp kinh tế mang tính chất đầu tư phát triển	4,600	4,600	
2.Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội	14,000	14,000	
3.Sự nghiệp Môi trường và thực hiện đề án xử lý rác thải, thoát nước mang tính chất đầu tư phát triển	2,285	2,285	
4.Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh cảnh quan	5,500	5,500	
5.Sửa chữa trụ sở cơ quan, đơn vị trên địa bàn	7,000	7,000	
6.Tiền SDD và vốn XDCB (Tiền đất năm 2023 và Vốn XDCB tập trung tinh bổ sung có mục tiêu theo tiêu chí tại Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh)	248,104	135,499	112,605
7.Kiến thị chính có mục tiêu của tỉnh	7,100	7,100	
8.Nhà ở xã hội và nâng cao tầng giao thông và duy tu sửa chữa hệ thống giao thông	15,000	15,000	
9.Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa nước (Hỗ trợ nâng cấp,sửa chữa kịp thời các công trình thủy lợi thiết yếu do huyện quản lý)	4,800	4,800	
10.Khu lưu niệm Đại tướng Nguyễn Chí Thanh	700	700	
<b>II.Chi thường xuyên</b>	<b>414,284</b>	<b>359,178</b>	<b>55,106</b>
<b>1.Chi SN kinh tế</b>	<b>33,108</b>	<b>32,338</b>	<b>770</b>
1.1/Tiền sử dụng đất mang tính sự nghiệp		10,030	
1.2/Sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT		2,824	
1.3/Sự nghiệp Giao thông		200	
1.4/Sự nghiệp Kiến thiết thị chính huyện		3,306	
1.5/Sự nghiệp Ứng dụng, chuyển giao KHCN		250	
1.6/Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa nước		3,000	
1.7/Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí		9,428	
1.8/Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng		700	
1.9/Hỗ trợ phát triển du kinh tế tập thể, HTX		600	
1.10/Hỗ trợ chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp		2,000	
<b>2.Sự nghiệp Môi trường và thực hiện đề án xử lý rác thải, thoát nước</b>	<b>6,115</b>	<b>6,115</b>	
<b>3.Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng</b>	<b>1,020</b>	<b>1,020</b>	
<b>4.Chi sự nghiệp văn xã</b>	<b>266,639</b>	<b>263,893</b>	<b>2,746</b>
4.1/Sự nghiệp giáo dục	215,119	215,119	0
4.2/Sự nghiệp đào tạo	1,475	1,030	445
4.3/Sự nghiệp y tế	630	300	330
4.4/Sự nghiệp Văn hóa - TDTT - Truyền thanh (Bao gồm Đại hội TDTT)	4,555	3,024	1,531
4.5/Đảm bảo xã hội (Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách)	44,560	44,120	440
4.6/Tổ chức các ngày lễ trong năm	300	300	
<b>5/Sự nghiệp khác</b>	<b>2,046</b>	<b>2,046</b>	

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023		
	Tổng số	Trong đó	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã
<b>6. Chi quản lý hành chính</b>	<b>86,370</b>	<b>42,297</b>	<b>44,073</b>
6.1/Khỏi Đảng		8,262	
6.2/Khỏi Đoàn thể - MT		4,442	
6.3/Hoạt động HĐND		1,231	
6.4/Hoạt động UBND huyện		1,000	
6.5/Khỏi quản lý nhà nước		18,713	
6.6/Kinh phí thi đua khen thưởng		500	
6.8/Hỗ trợ các tổ chức XH, XH nghề nghiệp		727	
6.9/Hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở cấp huyện		52	
6.10/Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác và cải cách hành chính của cơ quan đơn vị cấp huyện, xã và nhà văn hóa xã, mua sắm các phần mềm quản lý nhà nước, giáo dục và dịch vụ tài chính công đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, nâng cấp, sửa chữa đài truyền thanh huyện, xã		5,000	
6.11/Kinh phí Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia theo Chỉ thị 01 của TTCP		30	
6.12/Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông		2,340	
<b>7. Chi An ninh Quốc phòng</b>	<b>8,600</b>	<b>2,950</b>	<b>5,650</b>
7.1/Quốc phòng		1,345	
7.2/An ninh		890	
7.3/Trang bị phương tiện PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn 2021-2023 (theo NQ số 26/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của HĐND tỉnh)		715	
<b>8. Chi khác</b>	<b>912</b>	<b>650</b>	<b>262</b>
8.1/Đổi hàng hóa cứu trợ lũ lụt, vận chuyển và các công tác khác liên quan đến cứu trợ lũ lụt		100	
8.3/Hỗ trợ Liên đoàn Lao động huyện (Đại hội Công đoàn huyện lần thứ VII, nhiệm kỳ 2023-2028)		30	
8.4/Chi khác		500	
8.5/Hỗ trợ Chi cục Thống kê (bao gồm Niên giám hàng năm)		20	
<b>9. Chi hỗ trợ nguồn tín dụng cho Ngân hàng chính sách xã</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	
<b>10. Dự phòng ngân sách</b>	<b>8,974</b>	<b>7,369</b>	<b>1,605</b>
<i>Riêng, Hỗ trợ nguồn vốn tín dụng cho Ngân hàng CSXH (còn thiếu); Quỹ hỗ trợ nông dân; Giao ban HĐND tỉnh, huyện; Hoạt động Trường khối thi đua cấp huyện, công tác chuẩn bị 100 ngày sinh Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, tăng cường pháp chế trên địa bàn và các nhiệm vụ phát sinh đột xuất của huyện chưa có trong dự toán và chưa có nguồn được phân bổ từ nguồn dự phòng của các năm và tăng thu tiết kiệm chi năm 2022</i>			

Ghi chú:

1. Định mức chi thường xuyên năm 2022 đối với lĩnh vực QLNN, Đảng, MT-Đoàn thể 29 triệu đồng/biên chế/năm; sự nghiệp công lập 90% định chi QLNN, Đảng, MT-Đoàn thể. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên bao gồm: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan. Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm như: Chi nghiệp vụ chuyên môn lĩnh vực; chi xây dựng, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật kiểm tra, giám sát. Kinh phí bảo trì trụ sở, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm có giá trị nhỏ

CHỈ TIÊU	Dự toán chi 2023	
	Tổng số	Trong đó
		Ngân sách huyện

2. Tiền lương, SHP HDND tính theo Nghị định 38/NĐ-CP của Chính phủ, mức tối thiểu là 1.490.000 đồng (chưa tính nguồn 10% tiết kiệm chi 40% thu sự nghiệp giáo dục), đã bao gồm các khoản theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn và các khoản phụ cấp liên quan th PC cấp ủy, PC công vụ theo ND34, PC CBCC cơ quan Đảng, Đoàn thể theo Thông báo số 13/TB-TW, PC phục vụ của cán bộ cơ quan Đảng; báo cáo viên, kinh phí hoạt động theo Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 31/3/2017 của HDND tỉnh, PC Tổ Đại biểu HDND, PC ưu đãi học bổng, hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng cho người khuyết tật theo TTLT42; hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi; hỗ trợ chi phí học tập theo định mức khác theo quy định của tỉnh. Tiền lương của CB hợp đồng đã giao trong dự toán năm 2022.